

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC NGHỆ AN

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	13 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Nghệ An (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Khái quát về Công ty

Công ty là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty Nhà nước Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An theo Quyết định số 5333/QĐ-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2015 của UBND tỉnh Nghệ An.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2900324240, đăng ký lần đầu ngày 9 tháng 6 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An 07 lần cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trong đó lần thứ 07 vào ngày 07 tháng 6 năm 2024 do thay đổi thông tin người đại diện theo pháp luật.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 32, đường Phan Đăng Lưu, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An
- Điện thoại : 0383.844208
- Fax : 0388.668118

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Văn phòng Công ty	Số 32, đường Phan Đăng Lưu, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An
Xí nghiệp Xây lắp chống thất thoát	Số 32, đường Phan Đăng Lưu, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An
Xí nghiệp Dịch vụ cấp nước thành phố Vinh	Số 32, đường Phan Đăng Lưu, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An
Xí nghiệp Sản xuất nước thành phố Vinh	Số 115, đường Nguyễn Sinh Sắc, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Nam Đàn	Xã Vạn An, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Đô Lương	Xã Lương Sơn, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Anh Sơn	Xã Anh Sơn, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Con Cuông	Xã Con Cuông, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Tân Kỳ	Xã Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Thanh Chương	Xã Đại Đồng, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Quỳnh Châu	Xã Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Quỳnh Hợp	Xã Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Tương Dương	Xã Tương Dương, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Kỳ Sơn	Xã Mùòng Xén, tỉnh Nghệ An

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Khai thác, xử lý và cung cấp nước (Chi tiết: Khai thác, Sản xuất, cung cấp và dịch vụ kinh doanh nước sạch cho nhu cầu sinh hoạt, sản xuất và kinh doanh dịch vụ).

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Nguyễn Bá Quý	Chủ tịch	Ngày 29 tháng 4 năm 2022
Ông Lê Đình Hoan	Thành viên	Ngày 29 tháng 4 năm 2022
Ông Trịnh Văn Thắng	Thành viên	Ngày 16 tháng 7 năm 2022

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Bà Võ Thị Thìn	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 7 năm 2022
Bà Lê Thị Kim Oanh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Thanh Châu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Hoàng Văn Hải	Tổng Giám đốc	Ngày 09 tháng 5 năm 2021
Ông Nguyễn Văn Hà	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 02 tháng 01 năm 2017
Bà Trần Thị Lan Anh	Kế toán trưởng	Ngày 23 tháng 4 năm 2019

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Bá Quý - Chủ tịch và Ông Hoàng Văn Hải - Tổng Giám đốc.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

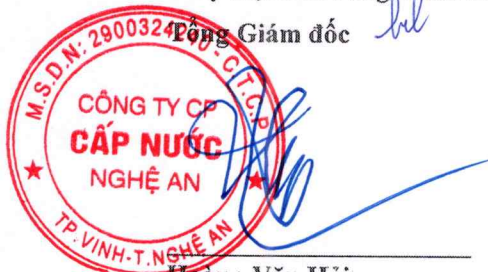
Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Hoàng Văn Hải

Ngày 14 tháng 8 năm 2025

Số: 2.0497/25/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Nghệ An (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 14 tháng 8 năm 2025, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

- Khoản mục “Phải thu khác” tại ngày 30/6/2025 đang bao gồm khoản phải thu về giá trị quyền sử dụng đất 1.218,4 m² tại phường Trường Thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, số tiền 5.690.610.000 VND được Công ty sử dụng để xây dựng dự án khu nhà ở xã hội; quyền sử dụng đất này đã bị thu hồi từ năm 2021 theo Quyết định số 297/QĐ-UBND ngày 27/7/2021 của UBND tỉnh Nghệ An (*xem Thuyết minh V.5a Bản thuyết minh báo cáo tài chính*). Cho đến thời điểm hiện tại, Công ty vẫn chưa nhận được quyết định từ UBND tỉnh Nghệ An về số tiền được đền bù. Do đó, chúng tôi không có cơ sở để đánh giá tính hợp lý cũng như khả năng thu hồi khoản phải thu này và số dự phòng tổn thất cần trích lập (nếu có).
- Tại ngày 30/6/2025, Công ty đang ghi nhận khoản chi phí nước thô phải trả do chưa thống nhất được với đối tác cung cấp nước thô về giá trị phải thanh toán trên khoản mục “Dự phòng phải trả ngắn hạn”, số tiền 127.726.582.998 VND (*xem Thuyết minh V.18 Bản thuyết minh báo cáo tài chính*). Do đó, chúng tôi không có đủ bằng chứng cần thiết để đánh giá tính hợp lý về số dự phòng phải trả này, cũng như chi phí nước thô Công ty đã ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ, số tiền 6.825.000.000 VND (cùng kỳ năm trước: 6.825.000.000 VND).

- Trong năm 2024, Công ty đã thay đổi thời gian khấu hao của một số tài sản cố định, dẫn đến chi phí khấu hao kỳ này và kỳ trước tăng thêm lần lượt là 25.591.038.383 VND và 5.694.169.719 VND. Ngoài ra, Công ty cũng áp dụng thời gian khấu hao nhanh đối với một số tài sản cố định, dẫn đến chi phí khấu hao kỳ trước tăng thêm 5.952.152.650 VND. Chúng tôi không được cung cấp đầy đủ bằng chứng cần thiết về tính hợp lý của sự thay đổi này. Nếu Công ty áp dụng nhất quán thời gian khấu hao theo các kỳ trước, các khoản mục “Giá vốn” kỳ này và kỳ trước sẽ giảm lần lượt là 25.591.038.383 VND và 11.646.322.369 VND, khoản mục “Giá trị hao mòn lũy kế tài sản cố định hữu hình” số cuối kỳ và số đầu năm sẽ giảm lần lượt là 66.056.963.864 VND và 40.465.925.481 VND.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Hà Nội



Lê Văn Khoa – Thành viên Ban Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1794-2023-008-1
Người được ủy quyền
Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32, đường Phan Đăng Lưu, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		302.420.050.436	238.817.617.074
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	173.481.563.972	111.185.050.301
1. Tiền	111		37.261.298.183	94.994.431.639
2. Các khoản tương đương tiền	112		136.220.265.789	16.190.618.662
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		25.915.925.187	25.915.925.187
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	25.915.925.187	25.915.925.187
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		28.695.482.332	24.488.718.590
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	22.875.395.616	19.895.447.935
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	7.752.207.200	7.049.212.810
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	15.645.363.054	15.276.886.449
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(17.577.483.538)	(17.732.828.604)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		72.523.184.495	72.780.624.978
1. Hàng tồn kho	141	V.7	72.523.184.495	72.780.624.978
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.803.894.450	4.447.298.018
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.674.757.232	4.443.900.640
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	129.137.218	3.397.378
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32, đường Phan Đăng Lưu, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		446.706.560.490	503.883.714.101
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		500.000.000	500.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	500.000.000	500.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		423.906.528.963	478.295.142.953
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	423.852.688.479	478.231.174.811
<i>Nguyên giá</i>	222		1.346.511.543.631	1.338.676.591.755
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(922.658.855.152)	(860.445.416.944)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	53.840.484	63.968.142
<i>Nguyên giá</i>	228		518.800.000	518.800.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(464.959.516)	(454.831.858)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		3.893.284.877	6.290.598.177
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	3.893.284.877	6.290.598.177
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		13.282.953.446	13.406.873.080
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	13.790.916.000	13.790.916.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(507.962.554)	(384.042.920)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		5.123.793.204	5.391.099.891
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	5.123.793.204	5.391.099.891
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		749.126.610.926	742.701.331.175

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32, đường Phan Đăng Lưu, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		367.919.090.239	361.430.217.157
I. Nợ ngắn hạn	310		255.226.671.221	235.404.780.521
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	42.182.645.405	54.049.617.491
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	23.679.711.570	4.041.924.227
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	550.272.770	828.889.663
4. Phải trả người lao động	314		5.575.527.402	15.058.300.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	16.495.286.825	3.335.881.344
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	7.937.385.121	7.390.872.454
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	26.620.566.062	26.661.588.643
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.18	127.726.582.998	120.901.582.998
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	4.458.693.068	3.136.123.701
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		112.692.419.018	126.025.436.636
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	112.692.419.018	126.025.436.636
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32, đường Phan Đăng Lưu, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		381.207.520.687	381.271.114.018
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	381.207.520.687	381.271.114.018
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		373.859.830.000	373.859.830.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		373.859.830.000	373.859.830.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.088.714.651	4.472.240.979
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.258.976.036	2.939.043.039
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	2.939.043.039
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.258.976.036	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		749.126.610.926	742.701.331.175

Người lập biểu



Hoàng Việt Nga

Kế toán trưởng



Trần Thị Lan Anh

Lập, ngày 14 tháng 8 năm 2025

Tổng Giám đốc




Hoàng Văn Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32, đường Phan Đăng Lưu, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	173.527.168.648	156.211.256.329
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		173.527.168.648	156.211.256.329
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	142.802.089.308	113.127.122.289
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		30.725.079.340	43.084.134.040
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.359.875.369	915.673.013
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	3.838.009.654	4.337.619.976
Trong đó: chi phí lãi vay	23		3.714.090.020	4.232.052.230
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	8.024.165.391	8.696.590.704
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	18.265.358.812	28.960.619.481
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.957.420.852	2.004.976.892
11. Thu nhập khác	31	VI.7	433.128.295	74.898.518
12. Chi phí khác	32	VI.8	816.160.815	48.598.639
13. Lợi nhuận khác	40		(383.032.520)	26.299.879
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.574.388.332	2.031.276.771
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		315.412.296	406.255.354
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>1.258.976.036</u>	<u>1.625.021.417</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>19</u>	<u>37</u>
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	<u>19</u>	<u>37</u>

Người lập biểu



Hoàng Việt Nga

Kế toán trưởng



Trần Thị Lan Anh

Lập, ngày 14 tháng 8 năm 2025

Tổng Giám đốc



Hoàng Văn Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32, đường Phan Đăng Lưu, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp trực tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		192.755.790.838	176.320.652.821
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(72.648.572.853)	(148.653.054.837)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(38.093.509.464)	(41.911.676.650)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(3.835.508.385)	(4.475.503.873)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	V.14	(739.132.378)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		6.324.366.706	6.162.267.969
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(17.750.485.132)	(8.528.337.544)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		66.012.949.332	(21.085.652.114)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.11	(10.345.495.462)	(25.325.579.335)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.13	20.003.100.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	51.513.949.867
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	134.947.131
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		9.657.604.538	26.323.317.663

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32, đường Phan Đăng Lưu, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.17a	(13.374.040.199)	(13.336.214.924)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(13.374.040.199)	(13.336.214.924)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		62.296.513.671	(8.098.549.375)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	111.185.050.301	55.725.234.985
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	173.481.563.972	47.626.685.610

Người lập biểu



Hoàng Việt Nga

Kế toán trưởng



Trần Thị Lan Anh

Lập, ngày 14 tháng 8 năm 2025

Tổng Giám đốc


Hoàng Văn Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32, đường Phan Đăng Lưu, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp nước Nghệ An (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh nước sạch.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là khai thác, xử lý và cung cấp nước (Chi tiết: khai thác, sản xuất, cung cấp và dịch vụ kinh doanh nước sạch cho nhu cầu sinh hoạt, sản xuất và kinh doanh dịch vụ).

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Văn phòng Công ty	Số 32, đường Phan Đăng Lưu, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An
Xí nghiệp Xây lắp chống thất thoát	Số 32, đường Phan Đăng Lưu, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An
Xí nghiệp Dịch vụ cấp nước thành phố Vinh	Số 32, đường Phan Đăng Lưu, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An
Xí nghiệp Sản xuất nước thành phố Vinh	Số 115, đường Nguyễn Sinh Sắc, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Nam Đàn	Xã Vạn An, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Đô Lương	Xã Lương Sơn, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Anh Sơn	Xã Anh Sơn, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Con Cuông	Xã Con Cuông, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Tân Kỳ	Xã Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Thanh Chương	Xã Đại Đồng, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Quỳnh Châu	Xã Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Quỳnh Hợp	Xã Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Tương Dương	Xã Tương Dương, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Kỳ Sơn	Xã Mường Xén, tỉnh Nghệ An

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 465 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 475 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32, đường Phan Đăng Lưu, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chỉ bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của đơn vị được đầu tư, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại đơn vị và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc kỳ kế toán nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại đơn vị đó.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32, đường Phan Đăng Lưu, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32, đường Phan Đăng Lưu, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu bao gồm:

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm (áp dụng từ năm 2024 đến nay)</u>	<u>Số năm (áp dụng từ năm 2023 trở về trước)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	04 – 29	10 – 39
Máy móc và thiết bị	05 – 15	05 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 – 18	06 – 24
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 – 06	05 – 06
Tài sản cố định khác	13	13

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty chỉ bao gồm Chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 12 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32, đường Phan Đăng Lưu, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán nước sạch

Doanh thu bán nước sạch được ghi nhận căn cứ khối lượng nước sử dụng theo chỉ số trên đồng hồ nước đo được của các khách hàng và biểu giá do Công ty ban hành từng thời kỳ, đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32, đường Phan Đăng Lưu, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

15. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32, đường Phan Đăng Lưu, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	1.005.676.120	229.034.226
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	36.255.622.063	94.765.397.413
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	136.220.265.789	16.190.618.662
Cộng	173.481.563.972	111.185.050.301

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc 6 tháng và 12 tháng, lãi suất từ 2,9% đến 4,2%/ năm, có giá trị ghi sổ bằng giá gốc.

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty sở hữu 345.181 cổ phần, mệnh giá 10.000 VND, tương đương 10,11% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tổng Công ty Chè Nghệ An (không thay đổi so với số đầu năm).

Giá trị hợp lý

Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tổng Công ty Chè Nghệ An (mã: CNA, sàn UPCOM) không có giao dịch trong 30 phiên gần nhất tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán, do đó, Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của khoản đầu tư này.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	384.042.920	278.475.174
Trích lập dự phòng bổ sung	123.919.634	105.567.746
Số cuối kỳ	507.962.554	384.042.920

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu khách hàng tiền nước và lắp đặt	7.895.865.382	4.722.979.735
Phải thu các khách hàng quá hạn thanh toán (Xem thuyết minh V.6)	14.979.530.234	15.172.468.200
Cộng	22.875.395.616	19.895.447.935

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32, đường Phan Đăng Lưu, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Khánh Hòa	2.130.186.700	2.130.186.700
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Trang Duy	1.141.850.007	169.876.929
Công ty Cổ phần Du lịch Danh Nam	1.048.364.000	-
Các nhà cung cấp khác	3.431.806.493	4.749.149.181
Cộng	7.752.207.200	7.049.212.810

5. Phải thu khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.156.032.829	-	510.173.876	-
Tạm ứng	7.147.840.935	-	7.357.717.533	-
Ông Nguyễn Duy Hưng	1.775.828.900	-	1.793.415.435	-
Ông Lê Viết Hưng	2.706.107.861	-	2.942.917.699	-
Các nhân viên khác	2.665.904.174	-	2.621.384.399	-
Phải thu người lao động đã nghỉ việc	1.104.821.772	(1.104.821.772)	1.104.821.772	(1.067.228.872)
Quyền sử dụng đất bị thu hồi theo Quyết định số 297/QĐ-UBND (*)	5.690.610.000	-	5.690.610.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	546.057.518	(317.132.368)	613.563.268	(317.132.368)
Cộng	15.645.363.054	(1.421.954.140)	15.276.886.449	(1.384.361.240)

(*) Giá trị quyền sử dụng đất 1.218,4 m² tại phường Trường Thi, tỉnh Nghệ An (nay là phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An) được Công ty sử dụng để xây dựng dự án khu nhà ở xã hội, đã bị thu hồi theo Quyết định của UBND tỉnh Nghệ An số 297/QĐ-UBND ngày 27/7/2021. Công ty vẫn trong quá trình làm việc với UBND tỉnh Nghệ An để thống nhất phương án đền bù.

5b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản tiền bảo lãnh cố định nộp cho Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển Hạ tầng Đô thị Vinh để bảo lãnh cấp phép tất cả các công trình thi công đường ống cấp nước sinh hoạt trên địa bàn thành phố Vinh.

6. Dự phòng phải thu khó đòi

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu khách hàng	14.979.530.234	(14.979.530.234)	15.172.468.200	(15.172.468.200)
BQLDA Đầu tư xây dựng cơ bản huyện Quế Phong	3.069.641.000	(3.069.641.000)	3.069.641.000	(3.069.641.000)
Công trình Hồ Bá Hạ	2.197.138.000	(2.197.138.000)	2.197.138.000	(2.197.138.000)
Các tổ chức và cá nhân khác	9.712.751.234	(9.712.751.234)	9.905.689.200	(9.905.689.200)
Phải thu khác	1.421.954.140	(1.421.954.140)	1.384.361.240	(1.384.361.240)
Phải thu người lao động đã nghỉ việc	1.104.821.772	(1.104.821.772)	1.067.228.872	(1.067.228.872)
Các tổ chức và cá nhân khác	317.132.368	(317.132.368)	317.132.368	(317.132.368)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32, đường Phan Đăng Lưu, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Trả trước cho người bán</i>	<i>1.175.999.164</i>	<i>(1.175.999.164)</i>	<i>1.175.999.164</i>	<i>(1.175.999.164)</i>
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Đại Hùng	311.700.000	(311.700.000)	311.700.000	(311.700.000)
Sở Tài chính Nghệ An	309.668.000	(309.668.000)	309.668.000	(309.668.000)
Các tổ chức và cá nhân khác	554.631.164	(554.631.164)	554.631.164	(554.631.164)
Cộng	17.577.483.538	(17.577.483.538)	17.732.828.604	(17.732.828.604)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	17.732.828.604	17.431.012.774
Trích lập dự phòng bổ sung	162.092.900	-
Hoàn nhập dự phòng	(317.437.966)	-
Số cuối kỳ	17.577.483.538	17.431.012.774

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	63.962.781.177	-	63.695.186.093	-
Công cụ, dụng cụ	8.534.188.088	-	9.059.223.655	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	26.215.230	-	26.215.230	-
Cộng	72.523.184.495	-	72.780.624.978	-

8. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	1.280.399.028	2.823.421.992
Chi phí sửa chữa	3.743.394.176	2.280.404.584
Các chi phí trả trước dài hạn khác	100.000.000	287.273.315
Cộng	5.123.793.204	5.391.099.891

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32, đường Phan Đăng Lưu, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	626.600.555.673	110.378.807.451	596.884.584.547	572.975.000	4.239.669.084	1.338.676.591.755
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	1.550.202.964	6.284.748.912	-	-	7.834.951.876
Số cuối kỳ	626.600.555.673	111.929.010.415	603.169.333.459	572.975.000	4.239.669.084	1.346.511.543.631
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	62.844.255.039	105.590.988.509	186.122.675.565	572.975.000	4.239.669.084	359.370.563.197
Chờ thanh lý (*)	85.383.184.281	30.792.641.373	87.046.513.226	-	-	203.222.338.880
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	339.310.314.849	109.146.556.655	407.175.901.356	572.975.000	4.239.669.084	860.445.416.944
Khấu hao trong kỳ	28.818.501.429	511.417.977	32.883.518.802	-	-	62.213.438.208
Số cuối kỳ	368.128.816.278	109.657.974.632	440.059.420.158	572.975.000	4.239.669.084	922.658.855.152
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	287.290.240.824	1.232.250.796	189.708.683.191			478.231.174.811
Số cuối kỳ	258.471.739.395	2.271.035.783	163.109.913.301			423.852.688.479
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý (*)	16.664.932.842	287.392.838	3.244.802.396	-	-	20.197.128.076

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/4/2025 phê duyệt kế hoạch năm 2025, Công ty tiếp tục chào bán tài sản là 10 trạm cấp nước (Anh Sơn, Con Cuông, Đô Lương, Kỳ Sơn, Nam Đàn, Quỳnh Châu, Quỳnh Hợp, Tân Kỳ, Thanh Chương, Tương Dương) kèm theo quyền khai thác, vận hành và vùng phục vụ cấp nước. Ngày 09/5/2025, Công ty đã ký hợp đồng chuyển nhượng trạm cấp nước Nam Đàn cho CTCP Tuệ (Xem thuyết minh Báo cáo tài chính số V.13).

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 220.989.083.509 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng (Xem thuyết minh Báo cáo tài chính số V.17).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32, đường Phan Đăng Lưu, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**10. Tài sản cố định vô hình**

Là phần mềm máy tính. Chi tiết như sau:

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	518.800.000	(454.831.858)	63.968.142
Khấu hao trong kỳ	-	(10.127.658)	(10.127.658)
Số cuối kỳ	518.800.000	(464.959.516)	53.840.484

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

280.800.000

Tạm thời không sử dụng

Đang chờ thanh lý

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí trả trước	Kết chuyển vào chi phí	Số cuối kỳ
Xây dựng cơ bản dở dang	3.100.376.864	4.750.061.180	(7.834.951.876)	-	-	15.486.168
Lắp đặt tuyến ống gang DN300 chạy dọc phía Đông đường Phong Định Cảng	2.607.291.767	1.006.572.618	(3.613.864.385)	-	-	-
Các công trình khác	493.085.097	3.743.488.562	(4.221.087.491)			15.486.168
Sửa chữa lớn tài sản cố định	3.190.221.313	5.595.434.282	-	(2.540.707.664)	(2.367.149.222)	3.877.798.709
Cải tạo trạm bơm nước thô NMN Cầu Bạch	31.327.921	1.057.432.215	-	(1.057.432.215)	-	31.327.921
Các công trình khác	3.158.893.392	4.538.002.067	-	(1.483.275.449)	(2.367.149.222)	3.846.470.788
Cộng	6.290.598.177	10.345.495.462	(7.834.951.876)	(2.540.707.664)	(2.367.149.222)	3.893.284.877

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Thủy Lợi Nam Nghệ An	1.506.980.000	13.006.980.000
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển Hạ tầng Đô thị Vinh	11.622.978.405	13.994.375.149
Công ty TNHH Công nghệ Hóa chất và Môi trường Vũ Hoàng	4.559.399.412	3.031.441.892
Các nhà cung cấp khác	24.493.287.588	24.016.820.450
Cộng	42.182.645.405	54.049.617.491

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Tuệ (*)	20.193.390.300	-
Công ty TNHH Xây dựng An Thịnh	99.997.600	618.455.000
Các khách hàng khác	3.386.323.670	3.423.469.227
Cộng	23.679.711.570	4.041.924.227

(*) Là khoản ứng trước theo Hợp đồng chuyển nhượng trạm cấp nước Nam Đàn ngày 09/5/2025 về việc bán tài sản gắn với đất thuê trả tiền hàng năm và quyền, nghĩa vụ thực hiện hợp đồng dịch vụ cấp nước với khách hàng trên địa bàn huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32, đường Phan Đăng Lưu, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	1.941.894.736	(1.941.894.736)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	297.980.242	-	315.412.296	(739.132.378)	-	125.739.840
Thuế thu nhập cá nhân	199.700.000	-	158.012.550	(357.712.550)	-	-
Thuế tài nguyên	7.697.619	-	47.605.741	(46.986.620)	8.316.740	-
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	3.397.378	26.183.830	(26.183.830)	-	3.397.378
Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	-	-	189.190.216	(189.190.216)	-	-
Phí bảo vệ môi trường	323.511.802	-	3.222.466.659	(3.004.022.431)	541.956.030	-
Lệ phí môn bài	-	-	16.000.000	(16.000.000)	-	-
Cộng	828.889.663	3.397.378	5.916.766.028	(6.321.122.761)	550.272.770	129.137.218

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Cung cấp nước sạch 5%
- Lắp đặt, xây lắp và các dịch vụ khác 8% và 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.574.388.332	2.031.276.771
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	2.673.146	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	2.673.146	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế	1.577.061.478	2.031.276.771
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	315.412.296	406.255.354

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước mặt để sản xuất nước sạch với giá tính thuế đơn vị tài nguyên 2.000 VND/m³ với thuế suất 1%.

Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp

Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32, đường Phan Đăng Lưu, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Phí bảo vệ môi trường

Công ty phải nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt là 10% trên giá bán của 1 m³ nước sạch chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí nước thô phải trả	11.328.300.000	-
Chi phí lãi vay phải trả	1.237.431.594	1.358.849.959
Chi phí dịch vụ môi trường rừng	467.601.108	426.227.568
Chi phí thuê lắp đặt cụm đồng hồ	2.352.983.888	-
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	1.108.970.235	1.550.803.817
Cộng	16.495.286.825	3.335.881.344

16. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	211.011.804	211.384.042
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	652.115.601	18.523.415
Phải trả về cổ phần hóa	14.300.000	14.300.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	909.348.917	816.410.447
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	6.150.608.799	6.330.254.550
Cộng	7.937.385.121	7.390.872.454

17. Vay

17a. Vay ngắn hạn

Là các khoản vay dài hạn đến hạn trả (Xem thuyết minh số V.17b). Chi tiết:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bộ Tài chính - Dự án Vinh	9.552.093.004	9.552.093.004
Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Việt Nam Nghệ An - Dự án Phụ cận Vinh	17.033.174.552	17.033.174.552
Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Việt Nam Nghệ An - Dự án Giảm thất thoát nước	35.298.506	76.321.087
Cộng	26.620.566.062	26.661.588.643

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn đến hạn trả.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn đến hạn trả trong kỳ như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	26.661.588.643	26.666.904.073
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	13.333.017.618	13.334.125.899
Số tiền vay đã trả	(13.374.040.199)	(13.336.214.924)
Số cuối kỳ	26.620.566.062	26.664.815.048

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32, đường Phan Đăng Lưu, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

17b. Vay dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bộ Tài chính - Dự án Vinh ⁽ⁱ⁾	9.402.690.489	14.178.736.991
Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Việt Nam Nghệ An - Dự án Phụ cận Vinh ⁽ⁱⁱ⁾	102.199.047.328	110.715.634.604
Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Việt Nam Nghệ An - Dự án Giảm thất thoát nước ⁽ⁱⁱⁱ⁾	1.090.681.201	1.131.065.041
Cộng	112.692.419.018	126.025.436.636

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

- (i) Khoản vay theo Hiệp định vay phụ ngày 28/8/1997 giữa Bộ Tài chính và Công ty Cấp thoát nước tỉnh Nghệ An (nay là Công ty Cổ phần Cấp nước Nghệ An); Phụ lục sửa đổi Hiệp định vay phụ ngày 28/4/2008. Số tiền gốc của khoản vay phụ là 138.799.320.066 VND; Khoản vay phụ sẽ được hoàn trả trong 25 năm, trong đó có 5 năm ân hạn bắt đầu từ ngày rút vốn đầu tiên của khoản vay vốn là ngày 20/3/2002, mỗi năm trả nợ và lãi 2 kỳ vào ngày 15/1 và ngày 15/7 hàng năm, lãi suất của Hiệp định vay sửa đổi theo Phụ lục là 5%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (ii) Hợp đồng vay vốn ODA ngày 27/9/2011 giữa Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Nghệ An và Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An (nay là Công ty Cổ phần Cấp nước Nghệ An) phục vụ cho Dự án: Hệ thống cấp nước vùng phụ cận thành phố Vinh; Tổng số vốn vay theo Hợp đồng là 10.272.000 EUR; đồng tiền vay và trả nợ là Việt Nam Đồng; Lãi suất cho vay lại: 70% tổng số vốn vay áp dụng lãi suất là 3,2%/năm tính trên số dư nợ, 30% tổng số vốn vay còn lại áp dụng mức lãi suất là 5,3%/năm trên số dư nợ, mỗi năm trả nợ và lãi 2 kỳ vào ngày 15/6 và ngày 15/12 hàng năm. Tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản hình thành từ nguồn vốn vay Chính phủ Phần Lan.
- (iii) Khoản vay theo Hợp đồng vay phụ ngày 09/07/2013 giữa Bộ Tài chính và Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An (nay là Công ty Cổ phần Cấp nước Nghệ An) về việc sử dụng khoản vay số 2691-VIE và khoản vay số 3251 vay vốn OCR của Ngân hàng Phát triển Châu Á. Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính là phí cam kết khoản vay phải trả 50.822,97 USD. Đến thời điểm hiện tại khoản vay chưa được giải ngân, đồng thời Công ty đang trình Bộ Tài chính xin hủy khoản vay này.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	26.620.566.062	26.661.588.643
Trên 1 năm đến 5 năm	78.626.069.898	83.442.500.240
Trên 5 năm	34.066.349.120	42.582.936.396
Cộng	139.312.985.080	152.687.025.279

Chi tiết phát sinh của các khoản vay dài hạn như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	126.025.436.636	152.692.580.153
Kết chuyển sang vay ngắn hạn	(13.333.017.618)	(13.334.125.899)
Số cuối kỳ	112.692.419.018	139.358.454.254

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32, đường Phan Đăng Lưu, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**18. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

Là khoản dự phòng phải trả chi phí mua nước thô từ ngày 01/02/2021 đến ngày 30/6/2025 được xác định trên cơ sở lượng nước thô cấp cho sản xuất nước sạch và đơn giá tạm tính. Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	120.901.582.998	107.071.396.298
Tăng do trích lập	6.825.000.000	6.825.000.000
Số cuối kỳ	127.726.582.998	113.896.396.298

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	3.097.303.143	1.322.569.367	4.419.872.510
Quỹ phúc lợi	38.536.231	-	38.536.231
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	284.327	-	284.327
Cộng	3.136.123.701	1.322.569.367	4.458.693.068

20. Vốn chủ sở hữu**20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm trước	373.859.830.000	2.951.381.835	2.765.198.444	379.576.410.279
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	1.625.021.417	1.625.021.417
Trích lập các quỹ	-	1.520.859.144	(2.765.198.444)	(1.244.339.300)
Số dư cuối kỳ trước	373.859.830.000	4.472.240.979	1.625.021.417	379.957.092.396
				-
Số dư đầu năm nay	373.859.830.000	4.472.240.979	2.939.043.039	381.271.114.018
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	1.258.976.036	1.258.976.036
Trích lập các quỹ	-	1.616.473.672	(2.939.043.039)	(1.322.569.367)
Số dư cuối kỳ này	373.859.830.000	6.088.714.651	1.258.976.036	381.207.520.687

20b. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	37.385.983	37.385.983
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	37.385.983	37.385.983
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	37.385.983	37.385.983

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

20c. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 4 năm 2025 như sau:

	<u>VND</u>
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 1.616.473.672
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 1.322.569.367

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32, đường Phan Đăng Lưu, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu kinh doanh nước sạch	163.067.512.672	152.125.380.247
Doanh thu hoạt động lắp đặt, xây lắp	4.947.768.245	3.377.445.909
Doanh thu bán hàng hóa	4.566.469.950	-
Doanh thu khác	945.417.781	708.430.173
Cộng	173.527.168.648	156.211.256.329

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn kinh doanh nước sạch	139.433.685.984	111.775.002.551
Giá vốn hoạt động lắp đặt, xây lắp	1.118.577.030	1.352.119.738
Giá vốn của hàng hóa đã bán	2.249.826.294	-
Cộng	142.802.089.308	113.127.122.289

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.286.437.587	883.286.452
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	73.437.782	32.386.561
Cộng	1.359.875.369	915.673.013

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	3.714.090.020	4.232.052.230
Dự phòng tổn thất đầu tư	123.919.634	105.567.746
Cộng	3.838.009.654	4.337.619.976

5. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	7.056.680.000	7.793.978.400
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	172.269.753	95.596.952
Chi phí dịch vụ mua ngoài	526.236.138	-
Các chi phí khác	268.979.500	807.015.352
Cộng	8.024.165.391	8.696.590.704

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32, đường Phan Đăng Lưu, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên (*)	12.072.944.400	19.582.060.900
Chi phí vật liệu quản lý	-	258.577.912
Chi phí đồ dùng văn phòng	962.018.652	1.578.483.896
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.294.073.532	1.294.073.532
Thuế, phí và lệ phí	299.105.932	33.022.000
Dự phòng phải thu khó đòi	119.759.295	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.749.701.483	3.790.492.244
Các chi phí khác	1.042.859.879	2.423.908.997
Cộng	18.540.463.173	28.960.619.481

(*) Chi phí cho nhân viên kỳ trước bao gồm chi phí lương bổ sung, thưởng năm 2023 ghi nhận vào kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2024, số tiền 3.523.440.000 VND.

7. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền đền bù di dời hệ thống cấp nước	200.000.000	-
Thu nhập khác	233.128.295	74.898.518
Cộng	433.128.295	74.898.518

8. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí di dời hệ thống cấp nước	722.422.000	-
Phạt chậm nộp thuế	2.673.146	-
Chi phí khác	91.065.669	48.598.639
Cộng	816.160.815	48.598.639

9. Lãi trên cổ phiếu**9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.258.976.036	1.625.021.417
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ⁽ⁱ⁾	(566.539.216)	(243.558.348)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	692.436.820	1.381.463.069
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	37.385.983	37.385.983
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	19	37

(i) Để phục vụ mục đích trình bày chi tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu kỳ này, quỹ khen thưởng, phúc lợi được tạm tính theo tỷ lệ 45% lợi nhuận sau thuế kỳ này. Tỷ lệ này được xác định theo mức trích của năm 2024.

9b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32, đường Phan Đăng Lưu, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	42.538.085.621	26.110.425.732
Chi phí nhân công	33.638.819.689	43.632.852.500
Chi phí khấu hao tài sản cố định (*)	62.223.565.866	45.949.782.321
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.435.047.802	30.955.514.849
Chi phí khác	6.256.094.533	4.135.757.072
Cộng	169.091.613.511	150.784.332.474

(*) Chi phí khấu hao kỳ này tăng mạnh so với kỳ trước do Công ty thay đổi thời gian khấu hao tài sản cố định ngày 01/7/2024 (Xem thuyết minh Báo cáo tài chính số IV.7).

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Chức danh	Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
Kỳ này					
Ông Nguyễn Bá Quý	Chủ tịch HĐQT	90.000.000	50.000.000	-	140.000.000
Ông Lê Đình Hoan	Thành viên HĐQT/ Trợ lý Tổng Giám đốc	173.324.000	153.476.000	30.000.000	356.800.000
Ông Trịnh Văn Thắng	Thành viên HĐQT	134.446.000	121.063.000	45.000.000	300.509.000
Bà Võ Thị Thìn	Trưởng BKS	115.058.000	40.050.000	-	155.108.000
Bà Lê Thị Kim Oanh	Thành viên BKS	-	10.000.000	18.000.000	28.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Châu	Thành viên BKS	-	10.000.000	18.000.000	28.000.000
Ông Hoàng Văn Hải	Tổng Giám đốc	252.400.000	204.336.000	-	456.736.000
Ông Nguyễn Văn Hà	Phó Tổng Giám đốc	265.216.000	197.382.000	-	462.598.000
Bà Trần Thị Lan Anh	Kế toán trưởng	153.024.000	93.509.000	-	246.533.000
Cộng		1.183.468.000	879.816.000	111.000.000	2.174.284.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32, đường Phan Đăng Lưu, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Chức danh	Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
Kỳ trước					
Ông Nguyễn Bá Quý	Chủ tịch HĐQT	90.000.000	100.000.000	-	190.000.000
Ông Lê Đình Hoan	Thành viên HĐQT/ Trợ lý Tổng Giám đốc	150.582.000	157.825.000	30.000.000	338.407.000
Ông Trịnh Văn Thắng	Thành viên HĐQT	-	50.000.000	45.000.000	95.000.000
Bà Võ Thị Thìn	Trưởng BKS	109.800.000	89.018.000	-	198.818.000
Bà Lê Thị Kim Oanh	Thành viên BKS	-	10.000.000	18.000.000	28.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Châu	Thành viên BKS (từ ngày 20/4/2024)	-	-	3.000.000	3.000.000
Bà Nguyễn Thị Ngân	Thành viên BKS (đến ngày 19/4/2024)	-	10.000.000	15.000.000	25.000.000
Ông Hoàng Văn Hải	Tổng Giám đốc	227.258.000	178.012.000	-	405.270.000
Ông Nguyễn Văn Hà	Phó Tổng Giám đốc	220.926.000	176.315.000	-	397.241.000
Bà Trần Thị Lan Anh	Kế toán trưởng	122.912.000	89.615.000	-	212.527.000
Cộng		921.478.000	860.785.000	111.000.000	1.893.263.000

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Mía đường Sông Con	Cổ đông lớn

Công ty không phát sinh giao dịch và không có công nợ với các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Công ty không trình bày báo cáo bộ phận do hoạt động của Công ty chủ yếu là kinh doanh nước sạch và chỉ kinh doanh trong một khu vực địa lý là tỉnh Nghệ An.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lập, ngày 14 tháng 8 năm 2025

Người lập biểu

Hoàng Việt Nga

Kế toán trưởng

Trần Thị Lan Anh

Tổng Giám đốc



Hoàng Văn Hải